

BỘ CÔNG AN-BỘ LAO
ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI-BỘ TÀI
CHÍNH-BỘ NỘI VỤ

Số: 01/2008/TTLT/BCA-
BLĐTBXH-BTC-BNV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 1 năm 2008

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu chuyển ngành, thôi phục vụ trong Công an nhân dân;
sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân chuyển sang công nhân, viên chức công an nhân dân**

Căn cứ Nghị định số 43/2007/NĐ-CP ngày 26/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật công an nhân dân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 43/2007/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 68/2007/NĐ-CP ngày 19/4/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 68/2007/NĐ-CP);

Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi phục vụ trong Công an nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân chuyển sang công nhân, viên chức Công an nhân dân như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

- Sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu.
- Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân chuyển ngành.
- Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân thôi phục vụ trong Công an nhân dân mà không đủ điều kiện nghỉ hưu hoặc không chuyển ngành.
- Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân chuyển sang công nhân, viên chức Công an nhân dân.

II. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI SĨ QUAN CÔNG AN NHÂN DÂN NGHỈ HƯU

1. Điều kiện nghỉ hưu

Sĩ quan Công an nhân dân nghỉ việc được thực hiện chế độ hưu trí hàng tháng khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Nam đủ 55 tuổi, nữ đủ 50 tuổi và đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên.
- Nam từ đủ 50 tuổi đến đủ 55 tuổi, nữ từ đủ 45 tuổi đến đủ 50 tuổi và đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, trong đó có 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc

do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số từ 0,7 trở lên.

1.3. Nam có đủ 25 năm, nữ có đủ 20 năm trở lên công tác trong Công an nhân dân và đã đóng đủ bảo hiểm xã hội theo quy định, trong đó có ít nhất 5 năm được tính thâm niên nghề, nếu sức khỏe yếu, năng lực hạn chế, do yêu cầu công tác hoặc tự nguyện xin nghỉ (không phụ thuộc vào tuổi đời).

Thời gian công tác trong Công an nhân dân bao gồm thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, viên chức Công an nhân dân, học viên học tại các trường Công an nhân dân hoặc gửi học ở các trường ngoài Công an nhân dân do Công an nhân dân trả lương hoặc sinh hoạt phí. Thời gian công tác trong Công an nhân dân được tính theo năm dương lịch (không quy đổi theo hệ số), nếu có thời gian đứt quãng mà chưa hưởng trợ cấp một lần (bao gồm trợ cấp xuất ngũ, thôi việc) thì được cộng dồn.

1.4. Bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong khi thi hành nhiệm vụ và đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên (không phụ thuộc vào tuổi đời).

1.5. Đủ hạn tuổi phục vụ cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 43/2007/NĐ-CP và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên.

1.6. Sĩ quan Công an nhân dân nghỉ việc hưởng lương hưu hàng tháng với mức lương hưu thấp hơn khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Nam đủ 50 tuổi, nữ đủ 45 tuổi và đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

b) Đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ 15 năm trở lên làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục nghề, công việc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên (không phụ thuộc vào tuổi đời).

2. Cách tính lương hưu hàng tháng

2.1. Sĩ quan Công an nhân dân nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định tại các điểm 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 khoản 1 Mục này; cách tính lương hưu hàng tháng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội được tính bằng 45% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội; sau đó, cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 2% đối với nam và 3% đối với nữ. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Thị K (nữ), là công nhân công an từ tháng 6/1983, được chuyển sang sĩ quan CMKT tháng 7/2001, cấp bậc hàm Thượng úy. Do yêu cầu công tác, đơn vị bố trí để đồng chí K nghỉ việc từ tháng 7/2007. Đồng chí K có 24 năm 02 tháng công tác trong Công an nhân dân (24 năm 02 tháng đóng bảo hiểm xã hội) nên đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí hàng tháng. Tỷ lệ lương hưu hàng tháng của đồng chí K được tính như sau:

- 15 năm đầu được tính bằng 45%;

- Từ năm thứ 16 đến năm thứ 24: 9 năm x 3% năm = 27%.

Tổng cộng bằng 72%.

2.2. Sĩ quan Công an nhân dân nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng với mức lương hưu thấp hơn quy định tại điểm 1.6 khoản 1 Mục này; cách tính lương hưu hàng tháng thực hiện như hướng dẫn tại điểm 2.1 khoản này nhưng cứ mỗi năm nghỉ việc hưởng lương hưu trước 55 tuổi đối với nam, trước 50 tuổi đối với nữ (nếu thuộc tiết a điểm 1.6 khoản 1 Mục này) hoặc trước 50 tuổi đối với nam, 45 tuổi đối với nữ (nếu thuộc tiết b điểm 1.6 khoản 1 Mục này) thì tỷ lệ lương hưu giảm đi 1%. Mức lương hưu hàng tháng thấp nhất bằng mức lương tối thiểu chung.

Ví dụ 2: Đồng chí Lê Văn X, Đại úy, sinh tháng 03/1963, có 22 năm 8 tháng đóng bảo hiểm xã hội, trong đó có 16 năm làm trinh sát hình sự (được xếp lao động loại V theo Quyết định số 44/LĐTBXH-QĐ ngày 29/01/1997 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), suy giảm khả năng lao động 63%, nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí với mức lương hưu thấp hơn từ tháng 7/2007. Tỷ lệ % hưởng lương hưu hàng tháng của đồng chí X được tính như sau:

- Tỷ lệ % lương hưu hàng tháng tính theo hướng dẫn tại điểm 2.1 khoản này; 22 năm 8 tháng đóng bảo hiểm xã hội được tính bằng 61%.

- Tỷ lệ % phải giảm do nghỉ hưu trước 50 tuổi (đồng chí X sinh tháng 3/1963, vào thời điểm nghỉ việc hưởng lương hưu, đồng chí X bước sang tuổi 45):

$$(50 \text{ tuổi} - 45 \text{ tuổi}) \times 01\% = 5\%$$

Tỷ lệ % lương hưu hàng tháng của đồng chí X là:

$$61\% - 5\% = 56\%.$$

2.3. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu của sĩ quan Công an nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP.

III. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI SĨ QUAN, HẠ SĨ QUAN CÔNG AN NHÂN DÂN CHUYỂN NGÀNH

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyển ngành sang làm việc trong biên chế tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hưởng lương từ ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước) và công ty nhà nước (công ty nhà nước là những công ty thuộc phạm vi áp dụng hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ) được thực hiện các chế độ sau:

1.1. Về miễn thi tuyển và ưu tiên trong thi tuyển

a) Được miễn thi tuyển gồm các trường hợp:

- Nguyên là cán bộ, công chức, viên chức nhà nước được chuyển về cơ quan, đơn vị, công ty nhà nước đã công tác trước khi được tuyển vào Công an nhân dân;
- Chuyển ngành theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị nhà nước có thẩm quyền, được sắp xếp làm việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ.

b) Nếu tham dự thi tuyển công chức thì được ưu tiên cộng thêm 10 điểm vào tổng kết quả thi tuyển.

1.2. Việc xếp lương, bảo lưu lương và hưởng lương của Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyển ngành vào làm việc trong biên chế tại cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước, công ty nhà nước thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 43/2007/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể như sau:

a) Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên ngành vào làm việc tại cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước, thực hiện xếp lương, bảo lưu lương và hưởng lương theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 06/2006/TTLT-BCA-BNV-BTC ngày 10/10/2006 của Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 289/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tiền lương và phụ cấp đối với sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương thuộc Công an nhân dân chuyển ngành;

b) Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyển ngành vào làm việc trong công ty nhà nước được xếp lương theo công việc mới kể từ ngày có quyết định chuyển ngành theo nguyên tắc: làm công việc gì xếp lương theo công việc đó, giữ chức vụ gì xếp lương theo chức vụ đó. Cơ sở để xếp lương căn cứ vào công việc được giao; chức danh, tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật công nhân; chức danh tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, hạng công ty được xếp hạng và thang lương, bảng lương công ty được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004, Nghị định số 141/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ, cụ thể:

- Nếu được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý (Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng) thì thực hiện chuyển xếp lương như đối với viên chức quản lý mới được bổ nhiệm trong công ty nhà nước theo quy định tại điểm d khoản 2 Mục III Thông tư liên tịch số 23/2005/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/8/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và quy định tại điểm b khoản 1.2.1 Mục II Thông tư số 19/2007/TT-BLĐTBXH ngày 04/10/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nếu làm công nhân, nhân viên trực tiếp hoặc phục vụ sản xuất, kinh doanh, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, nhân viên thừa hành, phục vụ thì thực hiện chuyển xếp lương như đối với người lao động ở khu vực khác chuyển đến làm việc ở công ty nhà nước quy định tại điểm b khoản 1.1 Mục II Thông tư số 19/2007/TT-BLĐTBXH ngày 04/10/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Trường hợp hệ số lương mới được xếp thấp hơn hệ số lương cộng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) của sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng trước khi chuyển ngành thì được bảo lưu hệ số chênh lệch giữa hệ số lương cũ với hệ số lương mới trong thời gian tối thiểu 18 tháng, kể từ ngày có quyết định chuyển ngành. Trong thời gian hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu, nếu được nâng bậc lương thì hệ số chênh lệch bảo lưu được giảm tương ứng; nếu hệ số lương được nâng bằng hoặc cao hơn hệ số lương trước khi chuyển ngành thì thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ khi được nâng bậc lương.

1.3. Trường hợp được điều động trở lại phục vụ trong Công an nhân dân thì thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước ngoài Công an nhân dân được tính vào thời gian công tác liên tục để xét thăng cấp bậc hàm hoặc nâng lương.

Ví dụ 3: Đồng chí Phạm Văn C, Trung tá, Phó trưởng Công an huyện, vào Công an nhân dân tháng 5/1980. Tháng 6/2002, đồng chí C có quyết định chuyển ngành sang UBND huyện. Tháng 7/2007, đồng chí C được điều động trở lại công tác trong Công an nhân dân giữ chức vụ Trưởng phòng Công an tỉnh T. Như vậy: Thời gian công tác tại

UBND huyện (từ tháng 6/2002 đến tháng 6/2007) của đồng chí C được tính vào thời gian công tác liên tục, nếu đồng chí C đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định thì được xét thăng cấp bậc hàm Thượng tá.

1.4. Cách tính lương hưu hàng tháng đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân chuyển ngành thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 34 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Được lấy mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu, cộng thêm khoản phụ cấp thâm niên nghề (nếu đã được hưởng) tính theo thời gian công tác trong Công an nhân dân của mức lương sĩ quan, hạ sĩ quan tại thời điểm chuyển ngành. Khi tính mức bình quân tiền lương này, được điều chỉnh theo chế độ tiền lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ và quy định về mức lương tối thiểu chung tại thời điểm hưởng lương hưu hoặc nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Ví dụ 4: Đồng chí Nguyễn Văn T, sinh tháng 9/1947, Đại úy, có 14 năm 10 tháng được tính thâm niên nghề, chuyển ngành được bố trí làm kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí từ tháng 01/10/2007; có tổng thời gian đóng bảo hiểm xã hội là 38 năm. Đồng chí T có diễn biến tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm cuối như sau:

- Từ tháng 10/2002 đến tháng 9/2005 = 36 tháng hệ số lương cũ 5,18 chuyển đổi sang hệ số lương mới là 6,44:

$450.000 \text{ đồng/tháng} \times 6,44 \times 36 \text{ tháng} = 104.328.000 \text{ đồng}$

- Từ tháng 10/2005 đến tháng 9/2007 = 24 tháng hệ số lương mới 6,78:

$450.000 \text{ đồng/tháng} \times 6,78 \times 24 \text{ tháng} = 73.224.000 \text{ đồng}$

- Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu:

$$\frac{104.328.000 \text{ đồng} + 73.224.000 \text{ đồng}}{60 \text{ tháng}} = 2.959.200 \text{ đồng/tháng}$$

- Phụ cấp thâm niên nghề của đồng chí T tại thời điểm chuyển ngành được cộng vào mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm cơ sở tính lương hưu như sau:

Đại úy có hệ số lương (theo chế độ tiền lương tại thời điểm tháng 10/2007) bằng 5,40:

$450.000 \text{ đồng/tháng} \times 5,40 \times 14\% = 340.200 \text{ đồng/tháng}$

- Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm cơ sở tính lương hưu của đồng chí T là:

$2.959.200 \text{ đồng/tháng} + 340.200 \text{ đồng/tháng} = 3.299.400 \text{ đồng/tháng}$

- Lương hưu hàng tháng của đồng chí T là:

$3.299.400 \text{ đồng/tháng} \times 75\% = 2.474.550 \text{ đồng/tháng}$.

b) Trường hợp mức lương hưu tính theo tiết a điểm này thấp hơn mức lương hưu tính theo mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của sĩ quan, hạ sĩ quan tại thời điểm chuyển ngành, thì được lấy tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội tại thời điểm chuyển ngành chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại Nghị định